

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 – 3 – 2022  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Dư T1, sinh năm 1996; cư trú tại Số B9/8A, Tổ 13, Ấp 2A, xã B1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; cư trú tại ấp A, xã N, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Dư T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Qua quen biết, sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Văn H tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và đăng ký kết hôn ngày 24/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được, thường xuyên xảy ra cự cãi, anh H dùng vũ lực đánh đập chị vô cớ dẫn đến mất hạnh phúc. Nên tháng 02/2020, chị và anh H sống ly

thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị và anh H có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Quỳnh Ngọc T2, sinh ngày 18/12/2015 và Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 28/01/2020 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh Huy cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

#### **- Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

#### **- Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị T1 và anh H là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, anh H dùng vũ lực đánh đập chị T1 dẫn đến mất hạnh phúc. Chị T1 và anh H có thời gian dài sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị T1. Căn cứ vào lời trình bày của chị T1 và các tài liệu có

trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị T1 và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh H.

[2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị T và anh H có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Ngọc T2, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 28/01/2020. Xét cháu T2 và cháu T3 là trẻ em gái đều trong độ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ, hiện do chị T1 đang nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của chị T1. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T2 và cháu T3 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Dư T1 và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Quỳnh Ngọc T2, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2015 và cháu Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2020 cho chị Nguyễn Dư T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Dư T1 không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Dư T1 phải nộp án phí lý hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 0010329 ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nguyễn Dư T1, vắng mặt anh Nguyễn Văn H. Báo cho chị T1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh H vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã B1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Cao Minh Tân**